

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 12 - 2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thanh Hải – Ông Nguyễn Xuân Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 52/2020/TB-XX ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1988; vắng mặt.

Địa chỉ: Tập thể Công an huyện B (Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991; vắng mặt

Địa chỉ : Tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Lê Tuấn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ngọc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 19 tháng 10 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm không thể chung sống cùng nhau, đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay không

quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Nay anh Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh Tuấn A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có con chung.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại tổ 8, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án về tranh chấp “Ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Lê Tuấn A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Tuấn A và Nguyễn Thị Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo anh Tuấn A trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể chung sống cùng nhau đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn chị T vắng mặt không có lý do thể hiện chị T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn vợ chồng anh Lê Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ngọc T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tuấn A là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung và chia tài sản: Anh Lê Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ngọc T không có con chung và không yêu cầu Tòa án chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lê Tuấn A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Tuấn A được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Về án phí: Anh Lê Tuấn A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006582 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền